

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



ĐINH ĐỨC THIÊN

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THƯƠNG MẠI
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Hà Thị Mai Hiên**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	3
3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài	3
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4.1. Đối tượng nghiên cứu	3
4.2. Phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
5.1. Phương pháp luận	4
5.2. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn	5
6.1. Ý nghĩa khoa học của Luận văn	5
6.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận văn.....	5
7. Bố cục Luận văn	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THƯƠNG MẠI	6
1.1. Khái quát chung về hợp đồng gia công thương mại	6
1.1.1. Khái niệm hợp đồng gia công thương mại	6
1.1.2. Đặc trưng của hợp đồng gia công thương mại	6
1.1.3. Hình thức, phân loại hợp đồng gia công thương mại.....	6
1.1.3.1. Hình thức hợp đồng gia công thương mại.....	6
1.1.3.2. Phân loại hợp đồng gia công thương mại.....	6
1.1.4. Vai trò của hợp đồng gia công thương mại	7
1.2. Pháp luật điều chỉnh về hợp đồng gia công thương mại	7
1.2.1. Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng gia công thương mại	7
1.2.2. Nội dung pháp luật hợp đồng gia công thương mại.....	7
1.2.2.1. Giao kết hợp đồng gia công thương mại	7
1.2.2.2. Hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại	7
1.2.2.3. Trách nhiệm pháp lý và chế tài do vi phạm hợp đồng gia công thương mại	8
1.2.2.4. Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng gia công thương mại	8
1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về hợp đồng gia công thương mại	9

1.3.1. Các yếu tố tác động đến nội dung pháp luật hợp đồng gia công thương mại.....	9
1.3.2. Các yếu tố tác động đến hiệu quả thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại.....	9
Tiểu kết Chương 1.....	9
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THƯƠNG MẠI.....	10
2.1. Thực trạng pháp luật hợp đồng gia công thương mại.....	10
2.1.1. Giao kết hợp đồng gia công thương mại.....	10
2.1.1.1. Quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng gia công thương mại.....	10
2.1.1.2. Đề nghị giao kết hợp đồng gia công thương mại.....	10
2.1.1.3. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.....	10
2.1.2. Hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại.....	10
2.1.2.1. Quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại.....	10
2.1.2.2. Quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại.....	11
2.1.2.3. Quy định hợp đồng gia công thương mại vô hiệu.....	11
2.1.3. Trách nhiệm pháp lý và chế tài xử lý do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng gia công thương mại.....	11
2.1.3.1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng.....	11
2.1.3.2. Phạt vi phạm.....	11
2.1.3.3. Bồi thường thiệt hại.....	11
2.1.3.4. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng.....	12
2.1.3.5. Đình chỉ thực hiện hợp đồng.....	12
2.1.3.6. Hủy bỏ hợp đồng.....	12
2.1.3.7. Miễn trách nhiệm hành vi vi phạm hợp đồng gia công thương mại.....	12
2.1.4. Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng gia công thương mại.....	12
2.1.4.1. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại bằng thương lượng.....	12
2.1.4.2. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại bằng hòa giải thương mại.....	13
2.1.4.3. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại bằng Trọng tài.....	13

2.1.4.4. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại tại Tòa án	13
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại ...	13
2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại	13
2.2.1.1. Tình hình hoạt động gia công và giao kết hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam	13
2.2.1.2. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam.....	14
2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại.....	14
2.2.2.1. Những ưu điểm trong thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại	14
2.2.2.2. Những bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại	14
Tiểu kết Chương 2	15
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THƯƠNG MẠI.....	16
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại	16
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại phải tôn trọng quyền tự do hợp đồng của các chủ thể mà không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự	16
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại phải đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Bộ luật dân sự và Luật thương mại	16
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại phải đảm bảo hòa hòa giữa các nhóm lợi ích.....	16
3.1.4. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại trên cơ sở hội nhập, phù hợp với thông lệ quốc tế	16
3.2. Các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại	17
3.2.1. Các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại	17
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại	17
Tiểu kết Chương 3	18
KẾT LUẬN.....	19
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong bối cảnh hội nhập công nghiệp hóa, hiện đại hóa toàn cầu, một doanh nghiệp không tự mình thực hiện hết các công đoạn của khâu sản xuất ; họ chỉ thực hiện một số công đoạn then chốt và giao lại cho một hoặc nhiều doanh nghiệp khác thực hiện nốt phần còn lại cho đến khi hoàn thành sản phẩm là xu hướng chung của thế giới hiện nay. Trong đó, Việt Nam được đánh giá là một xưởng gia công lớn của khu vực và trên thế giới. Theo một báo cáo về dịch vụ gia công hàng hóa với nước ngoài được Tổng cục thống kê Việt Nam công bố ngày 19/9/2017 cho thấy, hầu như các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu đi gia công thuê cho các doanh nghiệp nước ngoài và chỉ hưởng được một phần nhỏ từ phí gia công. Tổng phí gia công các doanh nghiệp Việt Nam thu được từ hoạt động nhận gia công, lắp ráp hàng hóa cho nước ngoài năm 2016 được báo cáo là 8,6 tỷ USD. Những ngành sản xuất mang lại nhiều kim ngạch cho Việt Nam được thuộc nhóm gia công, lắp ráp như điện thoại, máy tính, dệt may, da giày¹, v.v...điều này mang lại cho nền kinh tế Việt Nam những tác động tích cực song lại cho thấy sự yếu kém trong việc sản xuất hàng hóa của Việt Nam.

Qua thực trạng trên cho thấy việc nghiên cứu về hợp đồng gia công dưới góc độ pháp luật là rất cần thiết. Trước khi tiến hành gia công đòi hỏi các bên phải giao kết một bản hợp đồng, gọi là hợp đồng gia công thương mại. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc tránh phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện. Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, hợp đồng gia công thương mại được quy định bởi Bộ luật dân sự, Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan. Khi những quy định này đi vào thực tiễn, tất nhiên sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, bất cập. Khiến cho hiệu quả thực hiện không được như mong muốn.

¹ Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2017.

Bên cạnh đó, khi tìm hiểu về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, tác giả nhận thấy có rất ít công trình nghiên cứu về hợp đồng gia công thương mại, nhất là ở cấp độ Luận văn thạc sĩ. Xuất phát từ những điều kiện thực tiễn và lý luận đó, tác giả quyết định chọn đề tài “**Hợp đồng gia công thương mại theo pháp luật Việt Nam**” làm Luận văn tốt nghiệp khóa 7 (2017- 2019) chuyên ngành Luật kinh tế, tại Đại học Luật Huế, phân hiệu Quảng Trị.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Theo sự tìm hiểu của tác giả, hiện nay có rất ít công trình nghiên cứu về hợp đồng gia công thương mại dưới góc độ pháp luật, tuy nhiên có thể tìm thấy một số công trình nghiên cứu khác liên quan như:

Luận án tiến sĩ “*Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại ở Việt Nam hiện nay*”, năm 2016 của tác giả Lê Thị Tuyết Hà tại Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Luận án tập trung nghiên giải quyết nội dung quy định của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại; từ đó đưa ra các giải pháp về pháp luật và thực tiễn.

Chuyên đề tốt nghiệp “*Pháp luật về hợp đồng gia công; thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần may Hưng Yên*”, năm 2012 của tác giả Trần Thị Minh Chúc. Công trình nghiên cứu chủ yếu phân tích, làm sáng tỏ các quy định của Luật thương mại về hợp đồng gia công trên cơ sở áp dụng giải quyết thực tiễn tại Công ty cổ phần may Hưng Yên; từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả ký kết, thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần may Hưng Yên.

Ngoài ra còn có một số công trình nghiên cứu liên quan được công bố trên các Tạp chí khoa học khác như:

Bài viết “*Giải quyết tranh chấp từ hợp đồng thương mại quốc tế thông qua các điều khoản đặc biệt của hợp đồng*” của tác giả Bàn Quốc Tuấn trên Tạp chí phát triển và hội nhập số 9 (19), tháng 4/2013. Chủ yếu luận giải các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp

thương mại quốc tế bằng điều khoản đặc biệt trong hợp đồng đã giao kết.

Bài viết “*Bình luận về hợp đồng gia công theo Bộ luật dân sự 2015*” của tác giả Đào Xuân Thủy trên Tạp chí Kinh tế đối ngoại, 2017. Chủ yếu tập trung trình bày những điểm mới về hợp đồng gia công trong Bộ luật Dân sự năm 2015 so với Bộ luật Dân sự năm 2005, qua đó đề cập một số vấn đề còn tồn tại của quy định về hợp đồng gia công.

Mỗi công trình nghiên cứu là mỗi cách nhìn khác nhau về hợp đồng, đây là những tài liệu quý báu trong việc nghiên cứu đề tài Luận văn. Tuy nhiên, như đã trình bày, hiện nay có rất ít tác giả nghiên cứu về hợp đồng gia công thương mại. Điều này mang đến cho tác giả không ít thuận lợi cũng như khó khăn khi giải quyết đề tài “*Hợp đồng gia công thương mại theo pháp luật Việt Nam*”.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

Luận văn có mục đích nghiên cứu pháp luật về hợp đồng gia công thương mại trên cơ sở giải quyết thực tiễn; từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại và nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để đạt được mục đích nghiên cứu, Luận văn có các nhiệm vụ sau:

- Hệ thống một cách khái quát các cơ sở lý luận về hợp đồng gia công thương mại.
- Phân tích, so sánh các văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật về hợp đồng gia công thương mại.
- Tiến hành thống kê, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam.
- Đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn đi sâu nghiên cứu các đối tượng sau:

- Các văn bản quy phạm pháp luật chứa đựng quy định liên quan đến hợp đồng gia công thương mại như: Bộ luật dân sự, Luật thương mại, Luật trọng tài thương mại, v.v các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Các công trình nghiên cứu những tác giả đi trước đã được công bố liên quan đến hợp đồng gia công thương mại như: Giáo trình, Kỷ yếu hội thảo, Sách, Báo, Luận án, Luận văn, v.v.

- Các công bố, thống kê liên quan đến thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn có phạm vi nghiên cứu sau:

- Không gian nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về hợp đồng gia công thương mại trong khuôn khổ quy định của pháp luật Việt Nam.

- Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2016 đến năm 2018

- Địa bàn nghiên cứu: Việt Nam

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác- Lênin trên cơ sở các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng gia công thương mại.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp hệ thống hóa lý thuyết được sử dụng trong Luận văn để làm sáng tỏ cơ sở khoa học về hợp đồng gia công thương mại.

- Phương pháp tổng hợp, liệt kê được sử dụng trong Luận văn nhằm trình bày nội hàm pháp luật về hợp đồng gia công thương mại.

- Phương pháp phân tích văn bản pháp luật và phân tích quy phạm pháp luật được sử dụng trong Luận văn để làm sáng tỏ các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng gia công thương mại.

- Phương pháp thống kê được sử dụng trong Luận văn nhằm làm rõ tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam.

- Luận văn còn kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp so sánh; phương pháp đánh giá, bình luận; phương pháp quy nạp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn

6.1. Ý nghĩa khoa học của Luận văn

Luận văn hệ thống một cách khoa học các vấn đề lý luận về hợp đồng gia công thương mại. Trong đó, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận mới như: đặc trưng; phân loại; ý nghĩa của hợp đồng gia công thương mại. Đồng thời Luận văn đã phân tích được những ưu điểm, hạn chế trong quy định của pháp luật hợp đồng gia công thương mại hiện nay; từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận văn

Luận văn đã phân tích được những thành công và bất cập còn tồn tại trong quá trình thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại hiện nay; qua đó đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả thực tiễn trong thời gian tới.

7. Bố cục Luận văn

Luận văn gồm có phần mở đầu, nội dung và tài liệu tham khảo. Trong đó, nội dung luận văn được chia thành ba chương như sau:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về pháp luật hợp đồng gia công thương mại;

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại;

Chương 3. Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát chung về hợp đồng gia công thương mại

1.1.1. Khái niệm hợp đồng gia công thương mại

Hợp đồng gia công thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả tiền công.

1.1.2. Đặc trưng của hợp đồng gia công thương mại

Thứ nhất, bản chất của hợp đồng gia công thương mại mang đậm sự giao thoa giữa hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng cung ứng dịch vụ

Thứ hai, hợp đồng gia công thương mại là loại hợp đồng song vụ, mang tính đền bù ngang giá

Thứ ba, đối tượng của hợp đồng gia công thương mại phải là vật được xác định theo yêu cầu

Thứ tư, mục đích của hợp đồng gia công thương mại là khoản thù lao (tiền công) được hưởng

1.1.3. Hình thức, phân loại hợp đồng gia công thương mại

1.1.3.1. Hình thức hợp đồng gia công thương mại

Hình thức của hợp đồng là cách thức biểu hiện ra bên ngoài những nội dung được thỏa thuận một cách thống nhất giữa các bên hợp đồng dưới một dạng vật chất hữu hình hoặc ít nhất có thể xác định được bởi một bên thứ ba khác. Theo đó, những điều khoản mà các bên đã cam kết thỏa thuận có thể được diễn đạt bằng lời nói, bằng hành vi cụ thể hoặc bằng bằng văn bản và các hình thức pháp lý tương đương².

1.1.3.2. Phân loại hợp đồng gia công thương mại

Việc phân loại hợp đồng gia công thương mại có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Dựa vào những tiêu chí khác nhau, luận văn phân loại hợp đồng gia công thương mại cũng khác nhau.

² Xem điều 119, Bộ luật dân sự 2015.

1.1.4. Vai trò của hợp đồng gia công thương mại

Hợp đồng gia công thương mại có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đời sống con người nói chung và trong lĩnh vực thương mại nói riêng, tác động sâu rộng đến nhiều đối tượng.

Thứ nhất, hợp đồng gia công thương mại là cơ sở pháp lý để giải quyết khi phát sinh tranh chấp

Thứ hai, hợp đồng gia công thương mại có ý nghĩa trong việc xây dựng uy tín, giúp các chủ thể tự tin hơn khi giao kết

Thứ ba, hợp đồng gia công thương mại là công cụ giúp cho các thương nhân dễ dàng thâm nhập vào thị trường nước ngoài

1.2. Pháp luật điều chỉnh về hợp đồng gia công thương mại

1.2.1. Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng gia công thương mại

Xung quanh khái niệm nguồn luật điều chỉnh vẫn còn nhiều cách giải thích khác nhau, có quan điểm cho rằng nguồn của pháp luật là tất cả các căn cứ được các chủ thể có thẩm quyền sử dụng làm cơ sở để xây dựng, ban hành, giải thích pháp luật cũng như để áp dụng vào việc giải quyết các vụ việc pháp lý xảy ra trong thực tế³. Hiện nay các nhà khoa học pháp lý thống nhất rằng nguồn của pháp luật là những yếu tố hay cơ sở để tạo nên hệ thống pháp luật. Nó bao gồm nguồn về nội dung và nguồn về hình thức.

1.2.2. Nội dung pháp luật hợp đồng gia công thương mại

1.2.2.1. Giao kết hợp đồng gia công thương mại

Giao kết hợp đồng gia công thương mại là một quá trình mà trong đó các bên bày tỏ ý chí, nguyện vọng với nhau theo những nguyên tắc và trình tự nhất định để qua đó xác lập các quyền, nghĩa vụ bằng các thỏa thuận trong hợp đồng. Pháp luật điều chỉnh về giao kết hợp đồng gia công thương mại bao gồm các nội dung về chủ thể giao kết hợp đồng, đề nghị giao kết hợp đồng, chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.

1.2.2.2. Hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại

Quy định liên quan đến hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại bao gồm các nội dung về:

³ Xem Nguyễn Thị Hồi, Về khái niệm nguồn của pháp luật, Tạp chí Luật học, số 2/2008, tr.29, tr.30.

Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại. Điều kiện có hiệu lực là khả năng làm phát sinh quyền và nghĩa vụ hợp đồng giữa các bên giao kết. Đây là yếu tố rất quan trọng khi xem xét tính hợp pháp của hợp đồng. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất, pháp luật hiện hành quy định hợp đồng nói chung và hợp đồng gia công thương mại nói riêng chỉ phát sinh hiệu lực khi đáp ứng các điều kiện về mặt chủ thể, về mặt nội dung và hình thức hợp đồng⁴. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại.

1.2.2.3. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng gia công thương mại

Trách nhiệm pháp lý được hiểu là sự bắt buộc chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu những hậu quả pháp lý bất lợi, thể hiện ở mối quan hệ đặc biệt giữa nhà nước với chủ thể vi phạm pháp luật, được pháp luật xác lập và điều chỉnh, trong đó chủ thể vi phạm pháp luật bị áp dụng những biện pháp cưỡng chế được pháp luật quy định⁵. Như vậy chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý bắt buộc phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế hay nói cách khác là chế tài.

1.2.2.4. Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng gia công thương mại

Tranh chấp hợp đồng gia công thương mại đòi hỏi phải được giải quyết thỏa đáng bằng một hoặc nhiều phương thức chọn lựa phù hợp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp, vừa đảm bảo trật tự pháp luật và kỷ cương xã hội, giáo dục được ý thức tôn trọng pháp luật của công dân, góp phần chủ động ngăn ngừa các vi phạm hợp đồng khác có thể xảy ra trong tương lai. Do đó, Điều 317 Luật thương mại 2005 quy định các phương thức giải quyết tranh chấp áp dụng chung trong lĩnh vực thương mại gồm: “..*thương lượng, hòa giải, trọng tài, tòa án...*”.

⁴ Xem điều 117, Bộ luật dân sự 2015.

⁵ Xem Trường đại học Luật Hà Nội, Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật, 2015, Nxb Công an nhân dân, tr.214.

1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật về hợp đồng gia công thương mại

1.3.1. Các yếu tố tác động đến nội dung pháp luật hợp đồng gia công thương mại

Pháp luật hợp đồng gia công thương mại là sự giao thoa giữa pháp luật dân sự và pháp luật thương mại, chịu sự tác động mạnh mẽ của nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan.

1.3.2. Các yếu tố tác động đến hiệu quả thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại

Trong quá trình thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại chịu sự ảnh hưởng của một số yếu tố như ý thức pháp luật, năng lực pháp luật.

Tiểu kết Chương 1

Nhằm giải quyết các vấn đề lý luận của đề tài nghiên cứu, trong nội dung chương 1, Luận văn đã hoàn thành:

Một là, hệ thống hóa một cách đầy đủ các vấn đề lý luận về hợp đồng gia công thương mại như: khái niệm, đặc điểm, hình thức, phân loại, ý nghĩa của hợp đồng. Góp phần làm phong phú thêm cơ sở khoa học nghiên cứu của đối tượng này.

Hai là, làm rõ cấu trúc pháp luật của hợp đồng gia công thương mại qua các khía cạnh quy định về giao kết hợp đồng; hiệu lực của hợp đồng; các chế tài xử lý vi phạm và phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng. Đây là những nội dung quan trọng mà Luận văn sẽ tiếp tục đi sâu nghiên cứu ở chương 2.

Ba là, đi sâu phân tích các yếu tố tác động đến nội dung pháp luật và các yếu tố tác động đến hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THƯƠNG MẠI

2.1. Thực trạng pháp luật hợp đồng gia công thương mại

2.1.1. Giao kết hợp đồng gia công thương mại

2.1.1.1. Quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng gia công thương mại

Chủ thể giao kết hợp đồng gia công thương mại tương đối đa dạng, có thể là cá nhân hoặc tổ chức nhưng phải có ít nhất một bên tham gia là thương nhân. Giữa các chủ thể hình thành mối quan hệ đối ứng với vai trò khác nhau trong hợp đồng, một bên đóng vai trò là chủ thể đặt gia công và bên kia là chủ thể nhận gia công, nên quyền và nghĩa vụ của mỗi bên cũng có sự khác biệt.

2.1.1.2. Đề nghị giao kết hợp đồng gia công thương mại

Đề nghị giao kết hợp đồng là việc một bên thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng. Để một đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực, nó phải thỏa mãn các điều kiện như: tính tự nguyện, tính công khai, tính trách nhiệm và tính rõ ràng.

2.1.1.3. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng

Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị. Như vậy, một lời chấp nhận đề nghị có hiệu lực khi bên được đề nghị giao kết hợp đồng chấp nhận toàn bộ nội dung của hợp đồng mà không có sự sửa đổi, bổ sung đề nghị đó.

2.1.2. Hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại

2.1.2.1. Quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại

Hiện nay Luật thương mại 2005 không có điều khoản quy định về hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại, nên khi xem xét tính hiệu lực của loại hợp đồng này cần căn cứ vào điều kiện có hiệu lực của giao

dịch dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự. Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 quy định giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

2.1.2.2. Quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại

Luật thương mại 2005 không quy định về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại, nên việc xác định thời điểm có hiệu lực của loại hợp đồng này được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

2.1.2.3. Quy định hợp đồng gia công thương mại vô hiệu

Hợp đồng gia công thương mại vô hiệu khi không đảm bảo được các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng (xem mục 2.1.3.1). Việc xác định hợp đồng gia công thương mại vô hiệu được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 về giao dịch dân sự vô hiệu⁶

2.1.3. Trách nhiệm pháp lý xử lý do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng gia công thương mại

2.1.3.1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng

Buộc thực hiện đúng hợp đồng là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng hợp đồng hoặc dùng các biện pháp khác để hợp đồng được thực hiện và bên vi phạm phải chịu chi phí phát sinh⁷.

2.1.3.2. Phạt vi phạm

Phạt vi phạm là chế tài được điều chỉnh cả trong Bộ luật dân sự 2015 và Luật thương mại 2005.

Theo quy định tại Điều 418 Bộ luật dân sự 2015 thì phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm; mức phạt do các bên thỏa thuận.

2.1.3.3. Bồi thường thiệt hại

Bồi thường thiệt hại là việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm⁸.

⁶ Xem điều 407, Bộ luật dân sự 2015.

⁷ Xem điều 297, Luật thương mại 2005.

2.1.3.4. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng

Theo quy định tại Điều 308 Luật thương mại 2005 thì tạm ngừng thực hiện hợp đồng là việc một bên tạm thời không thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thoả thuận là điều kiện để tạm ngừng thực hiện hợp đồng; hoặc một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

2.1.3.5. Đình chỉ thực hiện hợp đồng

Theo quy định tại Điều 310 Luật thương mại 2005 thì đình chỉ thực hiện hợp đồng là việc một bên chấm dứt thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thoả thuận là điều kiện để đình chỉ hợp đồng; hoặc một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

2.1.3.6. Hủy bỏ hợp đồng

Chế tài hủy bỏ hợp đồng được quy định trong cả Bộ luật dân sự 2015 và Luật thương mại 2005.

Điều 312 Luật thương mại 2005 quy định khi xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thoả thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng; hoặc một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng thì bên kia có quyền hủy bỏ hợp đồng.

2.1.3.7. Miễn trách nhiệm hành vi vi phạm hợp đồng gia công thương mại

Như vậy hành vi vi phạm hợp đồng tùy vào mức độ có thể bị áp dụng một hoặc nhiều chế tài nêu trên; tuy nhiên trong thực tiễn, việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng có thể bị vi phạm bởi những lý do khách quan mà bên vi phạm không hề mong muốn, do đó để đảm bảo công bằng và thiện chí giữa các bên, luật quy định những trường hợp ngoại lệ mà khi rơi vào hoàn cảnh này thì bên vi phạm không phải chịu trách nhiệm.

2.1.4. Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng gia công thương mại

2.1.4.1. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại bằng thương lượng

Thương lượng là một phương thức giải quyết tranh chấp trong hợp đồng gia công thương mại, mặc dù chưa được quy định nhiều nhưng có thể tìm thấy được cơ sở pháp lý trong nhiều văn bản liên quan.

⁸ Xem điều 302, Luật thương mại 2005.

2.1.4.2. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại bằng hòa giải thương mại

Hòa giải không phải là một phương thức giải quyết tranh chấp mới, nhưng hiện nay hòa giải trong lĩnh vực thương mại nói chung và trong hợp đồng gia công thương mại nói riêng được điều chỉnh bởi một văn bản hoàn toàn mới, đó là Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.

2.1.4.3. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại bằng Trọng tài

Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thoả thuận và được tiến hành theo quy định của Luật trọng tài thương mại⁹.

2.1.4.4. Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại tại Tòa án

Sau khi phát sinh tranh chấp hợp đồng gia công thương mại, nếu các bên không thể tự thương lượng, hòa giải được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết¹⁰.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại

2.2.1.1. Tình hình hoạt động gia công và giao kết hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam

Hoạt động gia công thương mại đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của Việt Nam. Theo số liệu công bố mới đây của Tổng cục thống kê¹¹, cho thấy trong năm 2016 có 1.740 doanh nghiệp thực hiện hoạt động gia công hàng hóa với nước ngoài, trong đó có 1.687 doanh nghiệp nhận gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài. Tổng phí gia công các doanh nghiệp Việt Nam thu được từ hoạt động nhận gia công, lắp ráp hàng hóa cho nước ngoài năm 2016 đạt 8,6 tỷ USD.

⁹ Xem điều 3, Luật trọng tài thương mại 2010.

¹⁰ Xem điều 186, Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

¹¹ Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2017.

2.2.1.2. Tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam

Hiện nay chưa có thống kê cụ thể về tình hình giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại giai đoạn năm 2016 đến năm 2018 bằng phương thức thương lượng và hòa giải thương mại.

2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại

2.2.2.1. Những ưu điểm trong thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại

Qua tình hình thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại, có thể rút ra được một số ưu điểm lớn trong công tác thực tiễn sau đây:

Một là, các bên tuân thủ chặt chẽ quy định về hình thức và nội dung của hợp đồng gia công thương mại trong quá trình giao kết. Về hình thức, các hợp đồng gia công thương mại đều được lập thành văn bản, được ký bởi người đại diện có thẩm quyền. Về nội dung, tùy thuộc vào hàng hóa yêu cầu gia công mà mỗi điều khoản trong hợp đồng có thể khác nhau, nhưng đều thể hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ mà các bên cam kết.

Hai là, tranh chấp phát sinh trong hợp đồng gia công thương mại không quá gay gắt, các bên ý thức được quyền tự do định đoạt, thỏa thuận trên cơ sở thiện chí nên vẫn đạt được kết quả cao mặc dù Tòa án đã thụ lý vụ án. Bằng chứng là trong số 19 vụ án mà Tòa đã thụ lý, có đến 6 vụ được đình giải quyết. Nguyên nhân đều do các bên tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ tranh chấp nên nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện; bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố.

Ba là, công tác hòa giải tại Tòa án được tuân thủ một cách nghiêm túc.

2.2.2.2. Những bất cập trong thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại

Bên cạnh những ưu điểm, thành công đã đạt được thì trong quá trình thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại thời gian qua vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập sau:

Một là, đa phần những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công thương mại do một bên không tuân thủ đúng nghĩa vụ hợp đồng, vi phạm những cam kết đã thỏa thuận như:

Hai là, thực tiễn hòa giải trước khi đưa vụ án ra xét xử tại Tòa án hiệu quả chưa cao. Như số liệu đã thống kê, trong 19 vụ tranh chấp hợp đồng gia công thương mại mà Tòa đã thụ lý trong năm 2016 đến năm 2018 chỉ có một vụ hòa giải thành, chiếm 5%. Đây là một tỷ lệ rất thấp, chưa đáp ứng được kỳ vọng trong bối cảnh cải cách tư pháp khi mà ngành Tòa án không ngừng được đầu tư cả về chất và lượng.

Ba là, chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại bằng Tòa án chưa đạt hiệu quả như mong muốn, trong số 12 vụ án đưa ra xét xử (7 vụ đình chỉ giải quyết) thì có đến 5 vụ là xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm các bản án sơ thẩm.

Tiểu kết Chương 2

Với mục tiêu làm rõ thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại, kết thúc chương 2 Luận văn giải quyết các vấn đề sau:

Một là, Luận văn đã làm rõ thực trạng pháp luật về hợp đồng gia công thương mại qua việc phân tích, đánh giá các quy định liên quan về quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng; hình thức, nội dung của hợp đồng gia công thương mại; hiệu lực của hợp đồng gia công thương mại; chế tài do vi phạm và quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại.

Hai là, Luận văn làm sáng tỏ thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại tại Việt Nam giai đoạn năm 2016 đến năm 2018. Qua việc phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện; đây là cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp thực tiễn ở nội dung chương 3 Luận văn.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THƯƠNG MẠI

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại phải tôn trọng quyền tự do hợp đồng của các chủ thể mà không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

Khi xây dựng chế định hợp đồng của Bộ luật dân sự các nhà làm luật đều tôn trọng quyền “*tự do hợp đồng*” của các chủ thể. Vì vậy, trong quá trình hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại, cần phải đảm bảo quyền “*tự do hợp đồng*” nhưng không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại phải đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Bộ luật dân sự và Luật thương mại

Bộ luật dân sự là đạo luật cơ bản nhất của mỗi quốc gia; tại Việt Nam, Bộ luật dân sự có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống thống pháp, là nền tảng của hệ thống tư luật mà các ngành luật khác phải tuân theo. Do đó trong quá trình hoàn thiện các quy định về hợp đồng gia công thương mại phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa Bộ luật dân sự và Luật thương mại là tất yếu.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại phải đảm bảo hòa hòa giữa các nhóm lợi ích

Một quan hệ xã hội chỉ phát sinh tranh chấp khi lợi ích giữa các chủ thể bị xâm phạm, không được đảm bảo; vì vậy pháp luật xuất hiện nhằm điều hòa các xung đột về lợi ích bảo vệ trật tự công cộng.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại trên cơ sở hội nhập, phù hợp với thông lệ quốc tế

Hiện nay hội nhập quốc tế không chỉ dừng lại ở một vài lĩnh vực mà hội nhập một cách toàn diện, trên mọi mặt; để không đứng ngoài xu

hướng đó, Việt Nam cần phải điều chỉnh pháp luật của mình xích gần hơn với pháp luật thế giới.

3.2. Các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại

3.2.1. Các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung một số quy định chung về hợp đồng gia công theo hướng thống nhất giữa Bộ luật dân sự 2015 và Luật thương mại 2005

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể giao kết hợp đồng

Thứ hai, tích cực hỗ trợ tư vấn pháp luật cho các thương nhân trong nước khi giao kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài

Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có trách nhiệm, giàu kiến thức, kỹ năng, trong sạch hướng đến nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại

Thứ tư, tăng cường hợp tác, trao đổi quốc tế về giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại

Thứ năm, bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục phổ biến pháp luật, xét xử giải quyết tranh chấp

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở những hạn chế, bất cập về pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại; trong nội dung chương 3, Luận văn giải quyết các vấn đề sau đây:

Một là, xây dựng định hướng hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại, chú trọng đến tôn trọng quyền tự do hợp đồng của các chủ thể nhưng không trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; đồng thời phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, đảm bảo sự hài hòa giữa các mối lợi ích; và hướng đến tiệm cận với thông lệ quốc tế về hợp đồng gia công thương mại.

Hai là, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật hợp đồng gia công, khắc phục sự chông chéo giữa Bộ luật dân sự 2015 và Luật thương mại 2005; sửa đổi, bổ sung các quy định về giải quyết tranh chấp liên quan đến quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng; bổ sung các quy định về gia công thương mại nước ngoài.

Ba là, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại trong thời gian tới như: tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo những người làm công tác pháp luật; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong vấn đề giải quyết tranh chấp; và đảm bảo cơ sở vật chất.

KẾT LUẬN

Như vậy, hợp đồng gia công thương mại có vai trò hết sức quan trọng trong bối cảnh hoạt động gia công ngày càng phát triển, đó là cơ sở pháp lý vững chắc ghi nhận mối quan hệ giữa các bên, là cơ sở để giải quyết khi phát sinh tranh chấp. Hợp đồng gia công thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó một bên thực hiện các công việc theo yêu cầu để tạo ra sản phẩm cho bên kia và hưởng thù lao. Việc nghiên cứu pháp luật về loại hợp đồng này có ý nghĩa sâu sắc trong thực tiễn và lý luận. Kết thúc Luận văn, tác giả đã làm sáng tỏ các nội dung sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận: Luận văn đã khái quát một cách đầy đủ các cơ sở khoa học về hợp đồng gia công thương mại. Bằng phương pháp nghiên cứu tổng hợp, hệ thống hóa lý thuyết tác giả đã làm rõ khái niệm, đặc trưng của hợp đồng gia công thương mại; phân loại hợp đồng gia công thương mại; ý nghĩa của hợp đồng gia công thương mại đối với kinh tế-xã hội. Cũng trong phần này, tác giả đã đi sâu phân tích những yếu tố tác động đến nội dung pháp luật và những yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện pháp luật hợp đồng gia công thương mại.

Thứ hai, về mặt pháp luật: Luận văn đã làm rõ được thực trạng pháp luật của hợp đồng gia công thương mại qua việc phân tích các quy định của Bộ luật dân sự 2015, Luật thương mại 2005 và nhiều văn bản khác có liên quan về chủ thể giao kết hợp đồng; hình thức, nội dung hợp đồng; hiệu lực của hợp đồng; chế tài và phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công thương mại. Trên cơ sở đó, rút ra những ưu điểm, bất cập trong các quy định này và đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại.

Thứ ba, về mặt thực tiễn: Luận văn đã làm rõ thực trạng thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công thương mại giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018. Qua đó phân tích, đánh giá những thành công đã đạt được; những vướng mắc, hạn chế còn tồn tại; đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định này trong thời gian sắp tới.

Nhìn chung, Luận văn đã giải quyết được những vấn đề cần nghiên cứu và đạt được mục đích nghiên cứu như đã nêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản pháp luật

1. Hiến pháp 2013;
2. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (1997), Luật thương mại;
3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), Bộ luật dân sự;
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), Luật thương mại;
5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), Luật trọng tài thương mại;
6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Bộ luật dân sự;
7. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Bộ luật tố tụng dân sự;
8. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017), Luật quản lý ngoại thương;
9. Nghị quyết 48/NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến 2010, định hướng đến năm 2020;
10. Nghị quyết 49/NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
11. Nghị định 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;
12. Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều Luật quản lý ngoại thương;
13. Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật trọng tài thương mại;
14. Kết luận số 01-KL/TW, ngày 04/4/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;
15. Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.

II. Các công tình nghiên cứu khác

16. Đặng Đình Quý (2012), Bàn thêm về khái niệm “hội nhập quốc tế” của Việt Nam trong giai đoạn mới, Tạp chí Cộng sản số 842, ngày 4/12/2012;
17. Đào Xuân Thủy, Bình luận về hợp đồng gia công theo Bộ luật dân sự 2015, Tạp chí kinh tế đối ngoại 6/2017;
18. Đỗ Thanh Hải, Giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay, Tạp chí cộng sản ngày 11/5/2017;
19. Đỗ Văn Đại, Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự 2015, 2016, Nxb Hồng Đức, tr.147, tr. 148.tr.150,tr.386;
20. Lê Hồng Quang, Nâng cao đạo đức cho đội ngũ thẩm phán để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ công lý, xây dựng tòa án nhân dân trong sạch, vững mạnh toàn diện, Tạp chí Cộng sản ngày 16/2/2018;
21. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật, 2015, Nxb: Công an nhân dân, tr.134, tr.135;
22. Tổng cục thống kê, số liệu thống kê 2017;
23. Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, thống kê năm 2016, năm 2017;
24. Tưởng Duy Lượng, Những vấn đề cần lưu ý khi áp dụng Điều 129 Bộ luật dân sự 2015 về giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ về hình thức, Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 9/2018.

III. Tài liệu Internet

25. <https://congbobanan.toaan.gov.vn>;
26. <https://lawnet.thukyluat.vn>;
27. <https://luatduonggia.vn>.